TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HS-ST
Ngày: 19/7/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Bình
2. Ông Nguyễn Ngọc Anh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỷ Dương – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HS ngày 05/7/2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm 1978, tại: Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đ, sinh năm 1944 và bà Lê Thị C, sinh năm 1945 (Đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 và 04 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/3/2018 đến ngày 17/3/2018 được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Nguyễn Thị Lệ T1, sinh năm 1960, tại: Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1924 (Đã chết) và bà Ngô Thị Minh N, sinh năm 1937 (Đã chết); có chồng là Trần Văn L, sinh năm 1958 (Đã chết) và 05 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/3/2018 đến ngày 17/3/2018 được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt.

3. Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1966, tại: Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B (Đã chết) và bà Nguyễn Thị B1 (Đã chết); Có chồng là Nguyễn Văn B2, sinh năm 1955 (Đã chết) và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/3/2018 đến ngày 17/3/2018 được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt.

4. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1971, tại: Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị A sinh năm: 1953; có chồng là Nguyễn Văn L1, sinh năm 1969 và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/3/2013 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt số tiền 5.000.000 đồng về tội "Đánh bạc"; Bị cáo tại ngoại có mặt.

5. Nguyễn Thị O1, sinh năm 1981, tại: Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V1 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị B3, sinh năm 1932; Có chồng là Lê Văn R, sinh năm 1980 và 04 con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại có mặt.

6. Hoàng Thị M, sinh năm 1979, tại: Đồng Nai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 13A, khu phố 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng N (Đã chết) và bà Võ Thị K, sinh năm 1935; có chồng là Cao Văn G, sinh năm 1964 và 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/10/2012 bị Công an huyện V xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, chưa nộp phạt. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/3/2018 đến ngày 17/3/2018 được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt.

7. Trần Thị D, sinh năm 1960, tại: Camphuchia.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Y (Đã chết) và bà Trần Thị E (Đã chết); có chồng là Phạm Văn K, sinh năm 1957 và 04 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/3/2018 đến ngày 17/3/2018 được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt.

8. Lê Văn Q, sinh năm 1986, tại: Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn A, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị B4, sinh năm 1959; có vợ là Lê Thị G, sinh năm 1998 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 24 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích và chống người thi hành công vụ, Cố ý làm hư hỏng tài sản"; Bị cáo tại ngoại có mặt.

** Người bào chữa cho các bị cáo:*

- Ông Nguyễn M - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai bào chữa cho bị cáo T.

- Ông Phạm Minh L2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai bào chữa cho bị cáo T1.

- Bà Hoàng Minh X - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim O.

- Bà Nguyễn Ngọc H1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai bào chữa cho bị cáo T2.

- Ông Hoàng Tất Đ - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị O1.

- Ông Nguyễn Doãn N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai bào chữa cho bị cáo M.

- Bà Bùi Thị S - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai bào chữa cho bị cáo D.

** Những người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Ngọc I, sinh năm 2004.

Người giám hộ cho Nguyễn Ngọc I: Chị Nguyễn Thị B5, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Chị Lê Thị H2, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Trần Thị L3, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Nguyễn Thanh Y1, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Lê U sinh năm 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Hoàng Thị N1, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 14/3/2018 Lê Văn T rủ Nguyễn Ngọc I, sinh năm 2004 đi bán nước kiếm lời ở sòng bạc thuộc tổ 7, ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai thì I đồng ý. I mang theo một chiếu cói, một thùng nước đặt ở gốc cây gần sòng bạc. Đến 14 giờ 00 phút, T đi bộ vào lấy chiếu cói, một đĩa sứ, một bộ bài tây gần nơi I đặt thùng nước để đánh bạc. T làm cái đánh bạc bằng hình thức "xì zách" ăn thua với mọi người. Đến 16 giờ 40 phút ngày 14/3/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện V bắt quả tang vụ đánh bạc.

Những người bị bắt gồm: Lê Văn T, Nguyễn Thị Lệ T1, Trần Thị D, Nguyễn Thị Kim O, Hoàng Thị M.

Nguyễn Thị O1, Nguyễn Thị T2, Lê Văn Q chạy thoát.

*Tang vật thu giữ:

- Thu trên chiếu bạc: 01 đĩa sứ, đường kính 16,7cm; 41 lá bài tây; 01 chiếc chiếu cói và số tiền 7.700.000 đồng.

- Thu trong người các đối tượng:

+ Lê Văn T: 01 điện thoại di động ANOKA, model: P10K, số tiền 4.000.000 đồng.

+ Nguyễn Thị Lệ T1: 01 điện thoại Sam Sung, model: SM-G318HZ/DS, số tiền 3.250.000 đồng.

+ Trần Thị D số tiền 1.800.000 đồng.

+ Nguyễn Thị Kim O: 01điện thoại di động Nokia, model: 1280, số tiền 1.050.000 đồng.

Sau khi Cơ quan điều tra mời làm việc Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị O1, Lê Văn Q đã khai nhận tham gia đánh bạc.

* Các đối tượng khai báo hành vi đánh bạc như sau:

- Lê Văn T là người cầm cái đánh bạc với mọi người, T sử dụng số tiền 4.800.000 đồng đánh bạc bị thua 800.000 đồng. Khi bị bắt bị thu giữ 4.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Lệ T1 mang theo số tiền 2.600.000 đồng, T1 sử dụng 200.000 đồng đánh bạc và mua 50.000 đồng vé số. T1 bị thua 100.000 đồng, ván cuối đặt 100.000 đồng thì bị Công an bắt quả tang số tiền bị thu giữ là 3.250.000 đồng trong đó có số tiền 900.000 đồng lấy dưới chiếu bạc.

- Nguyễn Thị Kim O mang theo số tiền 1.200.000 đồng, O sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc không thắng, không thua. Khi bị bắt số tiền 200.000 đồng đang đặt dưới chiếu bạc, bị thu giữ số tiền 1.050.000 đồng trong đó có 50.000 đồng do Lê U trả nợ.

- Trần Thị D mang theo số tiền 1.900.000 đồng, D sử dụng 100.000 đồng tham gia đánh bạc đã bị thua. D nói đặt ké 100.000 đồng với Nguyễn Thị Lệ T1 thì bị Công an bắt quả tang, bị thu giữ 1.800.000 đồng.

- Hoàng Thị M mang theo số tiền 500.000 đồng sử dụng để đánh bạc đã bị thua hết tiền, ván tiếp theo đang đánh thì bị bắt quả tang.

- Lê Văn Q mang theo số tiền 300.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua 50.000 đồng, ván tiếp theo đang đặt 50.000 đồng thì Công an vào bắt, Q chạy thoát.

- Nguyễn Thị T2 mang theo số tiền 900.000 đồng tham gia đánh bạc. T2 bị thua 500.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang T2 chạy thoát.

- Nguyễn Thị O1 mang theo số tiền 300.000 đồng sử dụng tham gia đánh bạc bị thua số tiền 200.000 đồng, khi Công an bắt quả tang O1 chạy thoát.

- Lê Thị H2 mang theo số tiền 400.000 đồng sử dụng đánh bạc không thắng, không thua. H2 đánh bạc đến khoảng 15 giờ 40 phút cùng ngày thì nghỉ ra về.

Hậu quả chung vụ là: 7.700.000 đồng thu trên chiếu bạc và thu trên người trên người các con bạc sử dụng đánh bạc số tiền 900.000đồng của T1, 4.000.000 đồng của T, 100.000 đồng của D, 200.000 đồng của Q, 100.000 đồng của Nguyễn Thị O1, 400.000 đồng của T2, tổng số tiền là 13.400.000 đồng.

* Cách thức đánh bạc xì zách: Người cầm cái dùng bộ bài tây 52 lá làm dụng cụ đánh bạc. Trước khi chia bài, người tham gia đặt cược đặt tiền dưới chiếu từ 50.000 đồng – 200.000 đồng. Người cầm cái chia mỗi người 2 quân bài, người chơi tính điểm trên quân bài J, Q, K tương ứng 10 điểm; A tương ứng 1,10 hoặc 11 điểm. Nếu người cầm cái có hai quân A thì gọi là: "xì bằng" có bài lớn nhất, hoặc có 1 quân A, 1 quân tương ứng 10, J, Q, K gọi là: "xì zách" thì kết thúc ván bài. Người chơi so điểm với người cầm cái, người có điểm cao hơn thắng số tiền đặt cược, ngang bằng nhau thì hòa. Người cầm cái không có "xì bằng" hay "xì zách" thì người chơi căn cứ bài bốc thêm, nhưng không bốc quá 3 lá bài làm thế nào để 5 lá bài có tổng điểm từ 16-21. Nếu bài trên 21 gọi là "Quắc" trị giá bài thấp nhất, nếu dưới 21 điểm gọi là "Ngũ linh" và thắng các trường hợp bình thường.

* Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện V đã trả lại:

- Lê Văn T: 01 điện thoại di động ANOKA, model P10K.

- Nguyễn Thị Lệ T1 01 điện thoại Sam Sung, model SM-G318HZ/DS, số tiền 2.350.000 đồng.

- Trần Thị D số tiền 1.700.000 đồng.

- Nguyễn Thị Kim O 01điện thoại di động Nokia, model 1280, số tiền 1.050.000 đồng.

* Đối với Lê Thị H2 có tham gia đánh bạc, đã nghỉ trước khi bị bắt quả tang, Cơ quan điều tra không chứng minh được hậu quả trước khi H2 nghỉ nên đã xử lý hành

chính. Hành vi cung cấp chiếu, bán nước cho sòng bạc của Nguyễn Ngọc I đã có dấu hiệu đồng phạm tội Đánh bạc. Tuy nhiên, I sinh năm 2004 chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra Công an huyện V đã xử phạt hành chính là đúng quy định của pháp luật.

* Bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 06/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị Lệ T1, Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị T2, Hoàng Thị M, Nguyễn Thị O1, Trần Thị D, Lê Văn Q về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

- Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, các bị cáo tham gia đánh bạc bằng hình thức "Xì Zách" Lê Văn T là người cầm cái cho các con bạc và trực tiếp đánh bạc với nhau nên đều phải chịu trách nhiệm chung hậu quả về số tiền đách bạc là 13.400.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc". Nên Viện kiểm sát nhân dân huyện V vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Các bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Tổng số tiền 12.700.000 đồng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ, đường kính 16,7cm; 41 lá bài tây; 01 chiếc chiếu cói.

+ Buộc Lê Văn Q nộp 200.000 đồng, Nguyễn Thị O1 nộp 100.000 đồng, Nguyễn Thị T2 nộp 400.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước do các bị cáo sử dụng đánh bạc.

- Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật. Trường hợp các bị cáo có đơn xin miễn án phí theo đúng quy định của pháp luật thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho các bị cáo.

* Ý kiến của các bị cáo: Các bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng và truy tố của Viện kiểm sát, các bị cáo xin được hưởng hình phạt nhẹ nhất.

* Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo T, T1, O, M, T2, O1 và D phát biểu: Về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố đối với các bị cáo trợ giúp viên pháp lý thống nhất nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hoàn cảnh các bị cáo thuộc hộ cận nghèo, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nhất thời phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang hình phạt khác cũng đủ răn đe đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự cho các bị cáo T, T1, O, M, T2, O1 và D theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 14/3/2018 các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị Lệ T1, Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị T2, Hoàng Thị M, Nguyễn Thị O1, Trần Thị D, Lê Văn Q cùng với nhiều người tham gia đánh bạc bằng hình thức "Xì zách" tại tổ 7, ấp 5, xã M, huyện V. Đến 16 giờ 40 phút thì bị Công an huyện V phối hợp cùng Công an xã M bắt quả tang trong đó có các đối tượng gồm: Lê Văn T, Nguyễn Thị Lệ T1, Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị T2, Hoàng Thị M, Nguyễn Thị O1, Trần Thị D, Lê Văn Q tham gia đánh bạc bằng hình thức "Xì zách" ăn tiền thu tại chiếu bạc số tiền 7.700.000 đồng và số tiền các con bạc dùng vào đánh bạc là 5.700.000 đồng. Tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận số tiền thu giữ trên chiếu bạc và số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc đúng như Cáo trạng đã nêu.

Các đối tượng đánh bạc bằng hình thức "Xì zách" có một người làm cái và các con bạc trực tiếp ăn thua với người làm cái, không xác định được số tiền cụ thể mỗi ván là bao nhiêu nên các bị cáo tham gia đánh bạc đều phải chịu trách nhiệm chung hậu quả về số tiền thu trên chiếu bạc và số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 13.400.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị Lệ T1, Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị T2, Hoàng Thị M, Nguyễn Thị O1, Trần Thị D, Lê Văn Q phạm vào tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về nhân thân các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thị T2 đã từng bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt số tiền 5.000.000 đồng về tội "Đánh bạc", bị cáo Lê Văn Q đã từng bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 24 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích và chống người thi hành công vụ, Cố ý làm hư hỏng tài sản".

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[6] Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người cầm cái trong suốt quá trình đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo còn lại. Đối với các bị cáo Nguyễn Thị T2, Lê Văn Q có tiền án đã được xóa án tích nhưng xét về nhân thân thì hai bị cáo có nhân thân xấu nên cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng với tính chất hành vi của mình. Đối với Hoàng Thị

M đã bị Cơ quan điều tra Công an huyện V xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 118/QĐ-XPHC ngày 10/10/2012 và đã giao cho Hoàng Thị M vào ngày 11/10/2012. Đến nay đã quá 01 năm kể từ ngày ra Quyết định nên thời hiệu thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã hết theo Điều 74 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Đồng thời căn cứ Điều 7 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì Hoàng Thị M được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Tuy được coi là chưa xử phạt vi phạm hành chính nhưng thái độ chấp hành pháp luật của Hoàng Thị M là rất kém cần phải có mức hình phạt nghiêm để răn đe bị cáo.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình thuộc hộ cận nghèo, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền là đủ sức răn đe. Do các bị cáo áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định của điều luật là phạt tiền nên không buộc các bị cáo phải khấu trừ một phần thu nhập.

[8] Hành vi đánh bạc của Lê Thị H2 đã chấm dứt trước khi bắt quả tang, Cơ quan điều tra không chứng minh được hậu quả trước khi nghỉ, còn hành vi của Nguyễn Ngọc I cung cấp chiếu, bán nước cho sòng bạc có dấu hiệu đồng phạm tội Đánh bạc, tuy nhiên I sinh năm 2004 chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra Công án huyện V đã ra quyết định xử lý hành chính đối với H2 và I là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng:

Xét thấy các vật chứng đã thu giữ trong vụ án gồm: Số tiền 12.700.000 đồng; 01 đĩa sứ, đường kính 16,7cm; 41 cây bài tây; 01 chiếc chiếu cói là công cụ, phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy, nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền 200.000 đồng của Lê Văn Q, 100.000 đồng của Nguyễn Thị O1, 400.000 đồng của Nguyễn Thị T2 sử dụng đánh bạc cần buộc các bị cáo phải nộp vào ngân sách nhà nước.

[10] Đối với trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tại phiên tòa phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[11] Quan điểm và đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo T, T1, O, D, M, T2, O1 tại phiên tòa có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[12] Về án phí:

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị T2, Trần Thị D, Nguyễn Thị O1 có đơn đề nghị miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nên Hội đồng xét xử xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo trên.

Đối với bị cáo Hoàng Thị M có đơn nhưng là đơn xin trợ giúp pháp lý không phải là đơn xin miễn án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bị cáo Hoàng Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị Lệ T1, Lê Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị Lệ T1, Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị T2, Hoàng Thị M, Nguyễn Thị O1, Trần Thị D, Lê Văn Q phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 136, 260, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ 03 ngày từ ngày 14/3/2018 đến ngày 17/3/2018, quy đổi thành 9 ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo T phải chấp hành là 01 năm 05 tháng 21 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và bản án. Giao bị cáo Lê Văn T cho UBND xã M, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn T số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo T trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 01 năm cải tạo không giam giữ thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và bản án. Giao bị cáo Nguyễn Thị T2 cho UBND xã M, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị T2 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo T2 trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị M 01 năm cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ 03 ngày từ ngày 14/3/2018 đến ngày 17/3/2018, quy đổi thành 9 ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo M phải chấp hành là 11 tháng 21 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và bản án. Giao bị cáo Hoàng Thị M cho UBND xã M, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo Hoàng Thị M số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo M trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 01 năm cải tạo không giam giữ thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và bản án. Giao bị cáo Lê Văn Q cho UBND xã M, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn Q số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm

triệu đồng). Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo Q trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim O 01 năm cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ 03 ngày từ ngày 14/3/2018 đến ngày 17/3/2018, quy đổi thành 9 ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo Nguyễn Thị Kim O phải chấp hành là 11 tháng 21 ngày thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và bản án. Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim O cho UBND xã M, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Kim O số tiền 10.000.000 đồng. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị Kim O trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ T1 01 năm cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ 03 ngày từ ngày 14/3/2018 đến ngày 17/3/2018, quy đổi thành 9 ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo T1 phải chấp hành là 11 tháng 21 ngày thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và bản án. Giao bị cáo Nguyễn Thị Lệ T1 cho UBND xã M, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo T1 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo T1 trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị D 01 năm cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ 03 ngày từ ngày 14/3/2018 đến ngày 17/3/2018, quy đổi thành 9 ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo D phải chấp hành là 11 tháng 21 ngày thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và bản án. Giao bị cáo Trần Thị D cho UBND xã M, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo D trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị O1 01 năm cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và bản án. Giao bị cáo Nguyễn Thị O1 cho UBND xã M, huyện V giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị O1 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị O1 trong thời gian chấp hành hình phạt.

2**.** Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: Số tiền 12.700.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001890 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ, đường kính 16,7cm; 41 cây bài tây; 01 chiếu cói theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V**.**

- Buộc các bị cáo Lê Văn Q nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), Nguyễn Thị T2 nộp số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), Nguyễn Thị O1 nộp số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí:

- Buộc các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị Lệ T1, Lê Văn Q, Hoàng Thị M mỗi bị cáo phải chịu phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị O1, Trần Thị D có đơn xim miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Các bị cáo không phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện V ;
- Sở tư pháp Đồng Nai;
- Cơ CSĐT công an huyện V;
- Cơ quan THAHS có thẩm quyền;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Phạm Thị Lâm